

Số: 2057 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 06 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình  
Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính  
trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc công bố thủ tục  
hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ  
trình số 205/TTr-SNN ngày 06 tháng 6 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính  
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS  
ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông  
thôn.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 07 tháng 03 năm 2022 và Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K10, K13, KSTT<sup>(C)</sup>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| ST<br>T                                                                                                                  | Tên TTHC                                                                     | Thời hạn<br>giải<br>quyết                                       | Địa điểm tiếp<br>nhận và trả<br>kết quả giải<br>quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                          | Tiếp<br>nhận<br>và trả<br>hồ sơ<br>qua<br>dịch<br>vụ<br>BCCI | Mức độ<br>DVC<br>trực<br>tuyến | Nội<br>dung<br>sửa đổi,<br>bổ sung                                                    | Phí, lệ phí (nếu<br>có)                                                                                                                                                                                                                                             | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TTHC<br>liên<br>thông |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|                                                                                                                          | Mã số TTHC                                                                   |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                              |                                |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                                                                              |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                              |                                |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |
| 1                                                                                                                        | Cấp Giấy chứng nhận an<br>toàn kỹ thuật tàu cá<br><br>1.003563.000.00.00.H08 | 03 ngày<br>làm việc<br>(kể từ khi<br>hoàn<br>thành<br>kiểm tra) | Trạm Thủy sản<br>liên huyện<br>thuộc Chi cục<br>Thủy sản. Địa<br>chỉ:<br>1. Văn phòng<br>chính: Khu<br>phố Cửu Lợi<br>Bắc, Phường<br>Tam Quan<br>Nam, Thị xã<br>Hoài Nhơn;<br>2. Cơ sở 2:<br>Thôn An<br>Quang Đông,<br>xã Cát Khánh,<br>huyện Phù Cát<br>3. Cơ sở 3:<br>Khu vực 10, | Có                                                           | Một<br>phần                    | Thay<br>đổi địa<br>điểm<br>tiếp<br>nhận<br>và trả<br>kết quả<br>giải<br>quyết<br>TTHC | Phí đăng kiểm an<br>toàn kỹ thuật tàu<br>cá, kiểm định<br>trang thiết bị nghề<br>cá (Thu tại thời<br>điểm trả kết<br>quả): Theo từng<br>hạng mục Mục II<br>Biểu phí, lệ phí<br>ban hành kèm<br>theo Thông tư số<br>94/2021/TT-BTC<br>của Bộ trưởng Bộ<br>Tài chính. | - Luật Thủy sản năm<br>2017;<br>- Thông tư số<br>23/2018/TT-<br>BNNPTNT ngày<br>15/11/2018 của Bộ<br>trưởng Bộ Nông<br>nghiệp và Phát triển<br>nông thôn;<br>- Thông tư số<br>01/2022/TT-<br>BNNPTNT ngày<br>18/01/2022 của Bộ<br>trưởng Bộ Nông<br>nghiệp và Phát triển<br>nông thôn.<br>- Thông tư số<br>94/2021/TT-BTC | -                     |

| ST<br>T | Tên TTHC                                                                   | Thời hạn<br>giải<br>quyết                                                                                                                                             | Địa điểm tiếp<br>nhận và trả<br>kết quả giải<br>quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếp<br>nhận<br>và trả<br>hồ sơ<br>qua<br>dịch<br>vụ<br>BCCI | Mức độ<br>DVC<br>trực<br>tuyến | Nội<br>dung<br>sửa đổi,<br>bổ sung                                                     | Phí, lệ phí (nếu<br>có)                                                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC<br>liên<br>thông |
|---------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|         | Mã số TTHC                                                                 |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                              |                                |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                       |
|         |                                                                            |                                                                                                                                                                       | phường Hải<br>Cảng, thành<br>phố Quy<br>Nhơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                              |                                |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                        | ngày 02/11/2021 của<br>Bộ trưởng Bộ Tài<br>chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       |
| 2       | Cấp Giấy chứng nhận<br>thẩm định thiết kế tàu cá<br>1.003590.000.00.00.H08 | - 20 ngày<br>(đối với<br>hồ sơ<br>thiết kế<br>đồng mới,<br>lần đầu).<br>- 10 ngày<br>làm việc<br>(đối với<br>hồ sơ<br>thiết kế<br>cải hoán,<br>sửa chữa<br>phục hồi). | Trạm Thủy sản<br>liên huyện<br>thuộc Chi cục<br>Thủy sản. Địa<br>chỉ:<br><b>1.</b> Văn phòng<br>chính: Khu<br>phố Cửu Lợi<br>Bắc, Phường<br>Tam Quan<br>Nam, Thị xã<br>Hoài Nhơn;<br><b>2.</b> Cơ sở 2:<br>Thôn An<br>Quang Đông,<br>xã Cát Khánh,<br>huyện Phù Cát<br><b>3.</b> Cơ sở 3:<br>Khu vực 10,<br>phường Hải<br>Cảng, thành | Có                                                           | Một<br>phần                    | Thay<br>đổi địa<br>điểm<br>tiếp<br>nhận<br>và trả<br>kết quả<br>giải<br>quyết<br>TTHC. | Phí đăng kiểm an<br>toàn kỹ thuật tàu<br>cá, kiểm định<br>trang thiết bị nghề<br>cá ( <b>Thu tại thời<br/>điểm trả kết<br/>quả</b> ): 5% giá<br>thiết kế, theo<br>Thông tư số<br>94/2021/TT-BTC<br>ngày 02/11/2021<br>của Bộ Tài chính | - Luật Thủy sản năm<br>2017;<br>- Thông tư số<br>23/2018/TT-<br>BNNPTNT ngày<br>15/11/2018 của Bộ<br>trưởng Bộ Nông<br>nghiệp và Phát triển<br>nông thôn;<br>- Thông tư số<br>01/2022/TT-<br>BNNPTNT ngày<br>18/01/2022 của Bộ<br>trưởng Bộ Nông<br>nghiệp và Phát triển<br>nông thôn;<br>- Thông tư số<br>94/2021/TT-BTC<br>ngày 02/11/2021 của<br>Bộ trưởng Bộ Tài |                       |

